



Sử dụng con trỏ Laser giúp xác định chính xác vị trí đo, DIT-120 sử dụng con trỏ bằng hai điểm Laser, DIT-200 sử dụng con trỏ bằng tia Laser đa điểm.



Vỏ bảo vệ hiện đại, tiện dụng với độ bền cao đảm bảo người dùng có thể thao tác dễ dàng chỉ với một tay.



Tính năng hỗ trợ đo đặc biệt: Thiết bị có thể hiển thị nhiệt độ lớn nhất, nhỏ nhất, giá trị trung bình và giá trị sai khác trong khu vực đo cũng như cho phép người dùng cài đặt cảnh báo ngưỡng cao, thấp của giá trị nhiệt độ.



DIT-200

DIT-120

Đo nhiệt độ chính xác bằng với con trỏ Laser

- Đo nhiệt độ chính xác theo phương pháp đo không tiếp xúc
- Dải điều chỉnh @Á phát xạ: từ 0.10 đến 1.00
- Độ phân dải: 0.1°C và 0.1°F
- Con trỏ Laser:
 - » Dạng @Á (DIT-200).
 - » Dạng GÁ (DIT-120).
- Có ngõ vào cho đầu dò nhiệt độ loại K (DIT-200).
- Hiển thị giá trị nhiệt độ lớn nhất, nhỏ nhất, giá trị trung bình, giá trị sai khác
- Tính năng tự động giữ giá trị đo - HOLD
- Lựa chọn đơn vị đo : °C / °F.
- Cảnh báo giới hạn cao, thấp của giá trị đo
- Màn hình hiển thị LCD có đèn nền
- Tính năng tự động tắt
- Cấp bảo vệ: IP54



Mô tả

Súng bắn nhiệt DIT-120 và DIT-200 là thiết bị đo nhiệt độ chuyên nghiệp với vỏ bảo vệ chắc chắn, tay cầm tiện dụng, khả năng thao tác với nút bấm chỉ với một ngón tay và các tính năng kĩ thuật tiện ích khác đem lại sự thoải mái, dễ dàng cho người dùng trong quá trình sử dụng. Con trỏ Laser giúp định vị chính xác khu vực đo.

Ứng dụng

- Đo nhiệt độ của máy biến áp
- Theo dõi nhiệt độ của thanh cái và mối nối
- Giám sát tình trạng của các thiết bị sưởi ấm và làm mát
- Kiểm soát nhiệt độ của vật liệu trong quá trình luyện kim
- Kiểm tra nhiệt độ của con lăn và vòng bi trong băng tải vận chuyển
- ...Và rất nhiều ứng dụng khác.



Tính năng

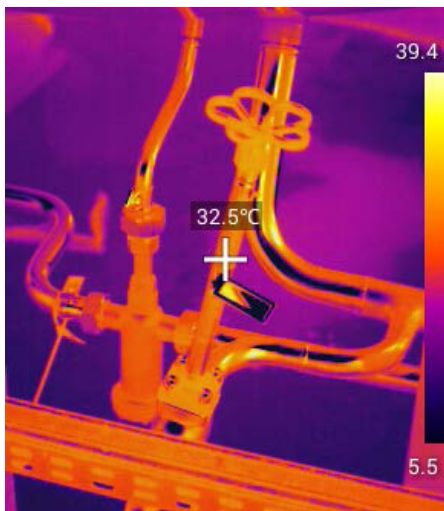
DIT-200

- Dải đo : **-50°C...1000°C**.
- Dải đo với đầu dò nhiệt độ đèn ngoài: **-50°C...1370°C**
- Tỉ số D/S: **20/1**
- Con trỏ Laser dạng hình tròn (Định vị khu vực đo)

DIT-120

- Dải đo: **-50°C...650°C**
- Tỉ số D/S: **12/1**
- Con trỏ Laser 2 điểm (Định vị khu vực đo)



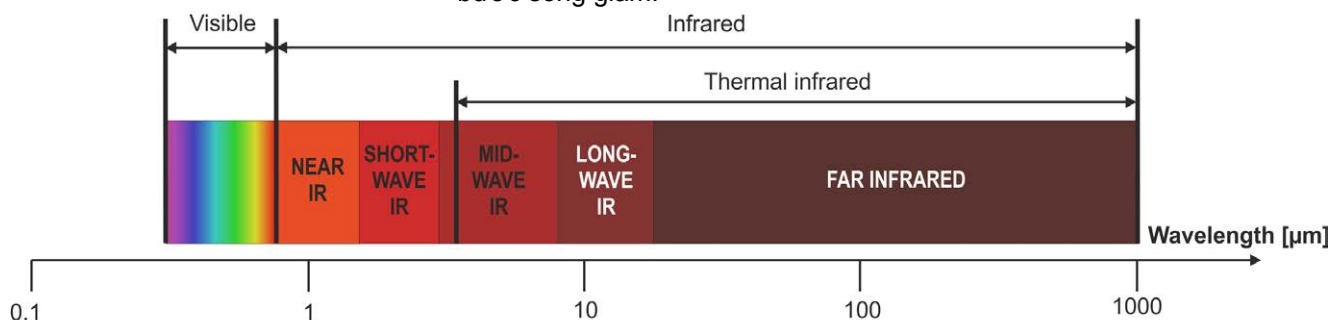


Đo nhiệt độ bằng tia hồng ngoại

Súng bắn nhiệt hồng ngoại được sử dụng để xác định nhiệt độ bề mặt của đối tượng. Hệ thống quang học của thiết bị giúp phát hiện bức xạ hồng ngoại được phát ra, sau đó thu thập dữ liệu và truyền tới các cảm biến. Hệ thống điện tử sẽ có chức năng chuyển đổi giá trị dữ liệu quang học thành giá trị nhiệt độ. Để tăng độ chính xác của phép đo và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhắm mục tiêu, thiết bị được trang bị với một con trỏ bằng tia Laser.

Bức xạ hồng ngoại

Bức xạ hồng ngoại được tạo ra bởi sự chuyển động của các electron bên trong nguyên tử của một vật liệu nhất định. Đó là bức xạ điện từ có bước sóng trong khoảng 780 nm...1 mm và được phát ra bởi bất kỳ vật liệu nào có nhiệt độ trên 0°K (-273,15°C). Sự phát xạ tăng khi nhiệt độ tăng, trong khi bước sóng giảm.



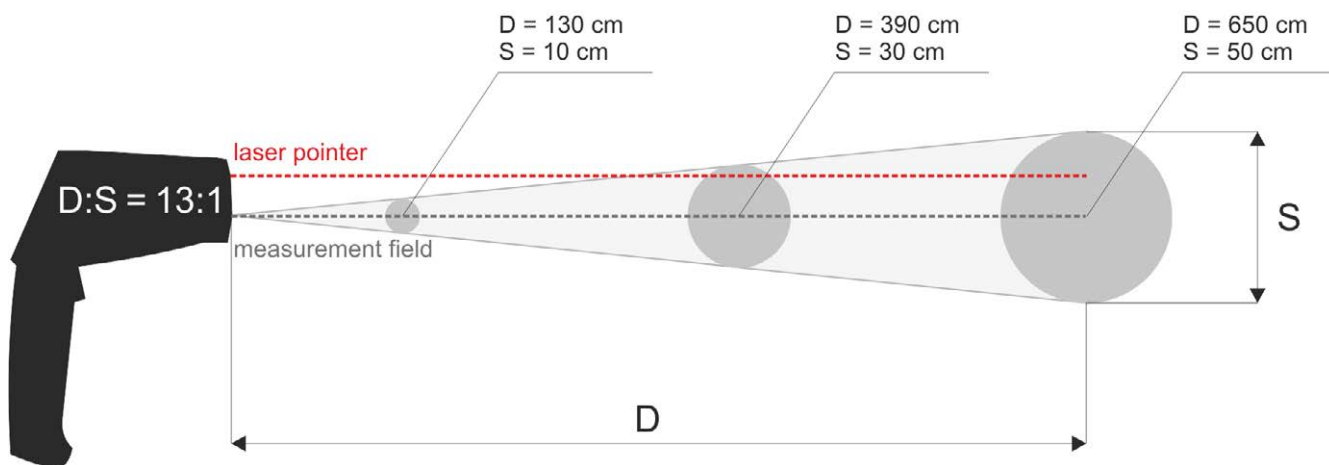
Hệ số phản xạ

Là một thông số xác định khả năng phát ra bức xạ hồng ngoại của vật liệu với giá trị nằm trong khoảng 0...1.

- Giá trị bằng 1 là độ phát xạ của vật đen hấp thụ toàn bộ bức xạ.
 - Giá trị bằng 0 là độ phát xạ của vật thể màu trắng (phản xạ 100% bức xạ)
- Mỗi vật thể có hệ số phát xạ riêng, tùy thuộc vào loại vật liệu, độ nhám bề mặt, góc nhìn, bước sóng và nhiệt độ.

Tỉ số D:S

Tỷ số D:S (khoảng cách đến điểm) giúp xác định mối quan hệ giữa **khoảng cách của súng bắn nhiệt** đến vật thể được kiểm tra và **đường kính tròn của trường nhìn** thu thập bức xạ. Vùng đo nhiệt độ sẽ lớn hơn khi thiết bị di chuyển ra xa đối tượng đo, tức là phần diện tích của đối tượng được kiểm tra trong trường này giảm đi. Do đó, phạm vi của đối tượng đo càng nhỏ khi khoảng cách đến đối tượng đó càng nhỏ. Như vậy, tỷ lệ D:S có ảnh hưởng đáng kể đến độ chính xác và độ chính xác của việc đo nhiệt độ.



DIT-200 | Thông số phép đo nhiệt độ

Dải đo	D:S	Độ phân dải	Dải đo	Độ chính xác ±(% m.v. + digits)
-50.0...999.9°C		0.1°C	-50...20°C	±3.5°C
-58.0...999.9°F		0.1°F	-58...68°F	±6.3°F
1000°C	20:1	1°C	20...300°C	±(1.0% m.v. + 1°C)
1000...1832°F		1°F	68...572°F	±(1.0% m.v. + 1,8°F)
			300...1000°C	±1.5% m.v.
			572...1832°F	

DIT-200 | Thông số phép đo nhiệt độ với đầu dò K

Dải đo	Độ phân dải	Dải đo	Độ chính xác ±(% m.v. + digits)
-50.0...999.9°C	0.1°C	-50...0°C	±2°C
-58.0...999.9°F	0.1°F	-58...32°F	±3.6°F
1000...1370°C	1°C	0...1370°C	±(0.5% m.v. + 1.5°C)
1000...2498°F	1°F	320...2498°F	±(0.5% m.v. + 3°F)

DIT-120 | Thông số phép đo nhiệt độ

Dải đo	D:S	Độ phân dải	Dải đo	Độ chính xác ±(% m.v. + digits)
-50.0...650.0°C		0.1°C	-50...+20°C	±3.5°C
-58.0...999.9°F		0.1°F	-58...+68°F	±6.3°F
1000...1202°F	12:1	1°F	20...300°C	±(1.0% m.v. + 1°C)
			68...572°F	±(1.0% m.v. + 1.8°F)
			300...650°C	±1.5% m.v.
			572...1202°F	

Thông số kỹ thuật

	DIT-200	DIT-120
Màn hình hiển thị LCD	Led 7 thanh, có đèn nền	
Độ nhạy quang phổ	8~14 μm	
Hệ số phát xạ	Có thể điều chỉnh từ 0.10 đến 1.00	
Con trỏ Laser	Công suất ra	<1 mW
	Bước sóng	630~670 nm
	Cấp Laser	Cấp độ 2 (II)
Nguồn cấp	2x Pin AAA 1.5 V	
Nhiệt độ vận hành	0...50°C	
	32...122°F	
Nhiệt độ lưu trữ	-10...+60°C	
	14...+140°F	
Độ ẩm vận hành	10...90%	
Chỉ báo khi tràn phạm vi đo	Kí tự "----"	
Thời gian phản hồi	150 ms	
Khối lượng	242 g	231 g
Kích thước	170 x 50 x 95 mm	170 x 50 x 85 mm

"D:S": Tỷ số giữa khoảng đứng đo và đường kính trường nhìn
"M.v.": Giá trị đo

Phụ kiện tiêu chuẩn



Đầu dò nhiệt độ loại K
Chỉ dùng cho Model DIT-200
WASONTEMK



Pin 2x LR03 AAA 1.5 V



Túi đựng



Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhà máy

Phụ kiện tùy chọn



Đầu dò nhiệt độ loại K(Lưỡi kê)
Chỉ dùng cho model DIT-200
WASONTEMP



Đầu dò nhiệt độ loại K(Kim loại)
Chỉ dùng cho Model DIT-200
WASONTEMK2



Túi đựng S-1
WAFUTS1



Giấy chứng nhận hiệu chuẩn của phòng thí nghiệm độc lập